

## BỘ LUẬT DÂN SỰ TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ

**ANDRÉ CASTALDO**

**Trưởng khoa đào tạo tiến sỹ,  
Trường Đại học Panthéon-Assas (Paris 2) Cộng hòa Pháp**

Nhiều công trình nghiên cứu lịch sử đã được tiến hành trong khuôn khổ các hoạt động kỷ niệm 200 năm Bộ luật dân sự, với ý định thay đổi cách nhìn nhận đã tồn tại từ lâu của các nhà sử học và các luật gia đối với tác phẩm này.

### **I. SỰ RA ĐỜI BỘ LUẬT**

Bộ luật năm 1804 tiếp nối những tư tưởng của Chế độ Phong kiến (từ tiếng Pháp là: Ancien Régime) như thế nào?

#### **1. Ý tưởng lâu đời về việc thống nhất pháp luật dân sự**

Dưới chế độ phong kiến, trở ngại đầu tiên là sự đa dạng của các nguồn luật (tập quán, pháp luật hoàng gia, pháp luật giáo hội, pháp luật La Mã); trở ngại thứ hai là sự phân chia vương quốc thành "xứ áp dụng tập quán" và "xứ áp dụng luật thành văn" là nơi áp dụng luật La Mã. Thống nhất pháp luật không phải là viết lại một cách chính thức các tập quán đang tồn tại, giống như từ cuối thế kỷ 15. ý tưởng này đã tồn tại từ lâu, bởi lẽ Louis 11 đã nghĩ đến việc xây dựng một tập quán chung cho toàn bộ vương quốc. Nhưng ý tưởng này đã không được thực hiện, kể cả dưới nền quân chủ chuyên chế. Nguyên nhân của sự thất bại này, trên thực tế, là do bản chất của chế độ này.

#### **1.1. Những thuận lợi**

##### **a) Học thuyết luật**

Ngay từ thế kỷ 16, Du Moulin đã quan tâm đến vấn đề này. Sau đó, những học giả khác cũng bắt đầu đề cập đến. Bên cạnh nguyên nhân thông thường do yêu cầu giảm chi phí và thời gian tố tụng, phải nói đến hệ quả của sự tăng trưởng kinh tế vào thế kỷ 16. Ngoài ra, sự gia tăng và sự phức tạp của các tập quán trong lĩnh vực luật tư cũng là một trở ngại đối với việc xây dựng một xã hội hiện đại; những yếu tố này đi ngược lại với những gì đặc trưng cho một Nhà nước quân chủ, đó là sự thống nhất trong hoạt động Điều hành. Đối với một hệ thống quyền lực duy nhất, phải có một hệ thống pháp luật duy nhất tương ứng. Tuy nhiên, các học giả không nhất trí lên án sự đa dạng của vương quốc. Một bộ phận luật gia - như Montesquieu - không cho rằng thống nhất pháp luật là một việc nên làm.

##### **b) Luật Saint-Germain (1679) và sự ra đời "pháp luật Pháp"**

Đạo luật này của hoàng gia đã đưa vào giảng dạy tại các trường đại học môn "pháp luật Pháp", nghĩa là pháp luật tập quán. Trước đó, người ta chỉ dạy trong các trường đại học

môn luật La Mã và luật giáo hội, và đôi khi, ví dụ như ở Paris, chỉ dạy môn luật giáo hội. Như vậy, có một sự cải tiến căn bản: một mặt, pháp luật "Pháp" vừa được nhà vua chính thức thừa nhận; mặt khác, các giáo viên thường tập trung bình luận chuyên sâu tập quán địa phương. Một vài người trong số họ xuất bản những công trình nghiên cứu đầu tiên (nổi tiếng nhất là công trình của Pothier). Khái niệm luật tập quán chung được tăng cường. Vào thế kỷ 18, càng về sau các tác phẩm càng trở nên rõ ràng và có phương pháp hơn. Các tác phẩm nghiên cứu về luật tư được trình bày một cách logic và gắn chặt với các nguyên tắc lớn. Tác phẩm của Domat (cuối thế kỷ 17) thể hiện một tư tưởng khác: tác giả này trình bày một hệ thống pháp luật mơ hồ, vĩnh cửu nhưng có tính toàn cầu, một cách hết sức chặt chẽ, logic là đặc tính minh họa cho pháp luật tự nhiên.

### *c) Án lệ*

Vào thế kỷ 17 và 18, án lệ của các toà án tiếp tục đi theo hướng hình thành một hệ thống pháp luật chung, đặc biệt là án lệ của Toà án Paris là Toà án có thẩm quyền đối với gần một nửa vương quốc. án lệ đưa ra nhiều quy định pháp luật tập quán chung và áp dụng các quy định đó trong trường hợp tập quán không quy định hoặc trong trường hợp có xung đột tập quán. Tập quán Paris ngày càng giữ vai trò tập quán mẫu. Trên một phương diện rộng hơn, người ta nhận thấy rằng các thẩm phán và các nhà thực tiễn thường quy chiếu đến khái niệm pháp luật tập quán chung.

### **1.2. Ý định thống nhất pháp luật Pháp**

Vào thế kỷ 16, người ta đã muốn pháp điển hoá ít nhất hai sắc lệnh của vua, đây là bước đi đầu tiên. Sắc lệnh 1629 cho phép thực hiện một phần ý định đó (hôn nhân, thay thế, tặng cho tài sản, thừa kế, chuyển nhượng tài sản, phá sản, cho vay có lãi) nhưng sắc lệnh này đã gặp phải sự phản đối mạnh mẽ của hầu hết các toà án. Dưới thời Louis 14, Chánh án Toà án Paris, ông Guillaume de Lamoignon, với sự cho phép của nhà vua, cũng đã thực hiện một công trình nhằm thống nhất pháp luật. Nhưng công trình của ông không được thừa nhận một cách chính thức. Vào thế kỷ 18, linh mục Saint-Pierre và Daguesseau cũng có những hoạt động nhằm thực hiện ý định thống nhất pháp luật.

### **1.3. Tình hình thời kỳ cuối chế độ phong kiến**

#### *a) Sức mạnh của thực tiễn*

Sự phân chia lâu dài vương quốc thành hai xứ, xứ áp dụng pháp luật tập quán và xứ áp dụng pháp luật thành văn là một trở ngại lớn đối với việc thống nhất pháp luật. Chính vì thế bên trong mỗi hệ thống, đã đạt được một số tiến bộ: học thuyết và án lệ làm xoá đi những sự khác biệt thứ yếu của các tập quán và đi theo hướng hợp lý hoá, nhưng lại dựa trên hai nền tảng mà không thể tiến tới hợp nhất. Các tập quán được củng cố do được viết thành văn bản. Việc viết tập quán từ thế kỷ 16 làm cho tập quán trở nên ổn định, vững chắc hơn; "tuyển tập tập quán" đã được hoàn thiện. Một điểm cải tiến duy nhất: do được biên

soạn lại nên số lượng tập quán chung đã giảm đáng kể (65 tập quán), còn các tập quán địa phương vẫn rất sống động (hơn 300 tập quán).

### *b) Sự tôn trọng của Nhà vua đối với tập quán*

Đối với Jean Bodin, vào thế kỷ 16, "pháp luật có thể phá vỡ tập quán và tập quán không thể trái pháp luật". Nhưng không thể nhầm lẫn giữa quan điểm học thuyết này với thực tế. Nguyên tắc xa xưa của thời Trung cổ theo đó nhà vua phải "giữ gìn tập quán" vẫn tồn tại và tiếp tục ảnh hưởng đến thái độ của triều đình đối với lĩnh vực luật tư. Cũng giống như thời kỳ Trung cổ, nếu trong một số trường hợp, nhà vua có quyền ban hành luật để Điều chỉnh lĩnh vực này thì các sắc lệnh của nhà vua, tương đối hiếm trong lĩnh vực luật tư, chỉ được tuân thủ trong phạm vi được công luận hưởng ứng: có thể nêu ra đây rất nhiều ví dụ.

Các sắc lệnh quan trọng của Louis 14 chỉ giới hạn trong lĩnh vực tố tụng dân sự hoặc hình sự, hoặc chỉ liên quan đến lĩnh vực thương mại. Không có sắc lệnh nào liên quan đến luật tư. Còn các sắc lệnh được ban hành trong thế kỷ 18 cũng không có gì cải tiến: các sắc lệnh đó chỉ nhằm pháp điển hoá và trong một phạm vi nhất định, thống nhất các quy định liên quan đến một số lĩnh vực cụ thể. Như vậy, phạm vi của các sắc lệnh này bị hạn chế. Hơn nữa, pháp luật quân chủ thường không thực thi: thường không được áp dụng hoặc áp dụng không tốt. Ngoại lệ duy nhất là pháp luật về hôn nhân gia đình: nhưng đây là lĩnh vực rất đặc biệt trong đó Nhà nước quân chủ muốn thể hiện sự độc lập của mình đối với Nhà thờ.

Nhà vua, mặc dù can thiệp rất nhiều trong lĩnh vực luật công, bao gồm cả luật tố tụng, thì vẫn rất tôn trọng pháp luật tập quán của các thần dân của mình. Hệ thống xã hội được xây dựng dựa trên nguyên tắc về tính chính đáng của các ưu quyền cũng như tính thoả thuận mạnh mẽ của nền quân chủ: các nguyên tắc cơ bản này không cho phép thống nhất hoặc thậm chí, sửa đổi luật tư bằng con đường lập pháp chuyên chế. Nhà vua, căn cứ vào bốn phạm bảo đảm công lý của mình, có thể miễn cho một thần dân nào đó không phải tuân thủ một quy định pháp luật, nhưng lại không thể sửa đổi tập quán.

Như vậy, không thể nêu ra lý do là không có ý chí chính trị để giải thích sự rụt rè của chế độ quân chủ. Chỉ có Cách mạng, bằng cách lật đổ cơ cấu xã hội của đất nước, thống nhất lãnh thổ nước Pháp và hình thành nên một cơ chế quyền lực mới - cần cả 3 yếu tố trên - mới có thể đảm bảo sự can thiệp chính đáng trong các quan hệ thuộc lĩnh vực luật tư, mở đường cho Bộ luật dân sự ra đời năm 1804.

## **2. Quá trình soạn thảo Bộ luật**

**2.1.** Các chính quyền cách mạng chưa bao giờ từ bỏ ý định thống nhất pháp luật nhưng chưa bao giờ đạt được mục tiêu đó. Quốc hội lập hiến (Constituante) tuyên bố sẽ ban hành một bộ luật chung về pháp luật dân sự, được áp dụng cho toàn thể vương quốc nhưng dự án này, cũng như dưới chế độ Quốc hội lập pháp (Législative), đã không thành công.

Chính quyền Quốc ước (Convention) muốn tiếp tục thực hiện dự án này trên thực tế và Cambacères đưa ra hai dự thảo liên tiếp nhưng cũng không thành công. Cambacères còn là tác giả của dự thảo thứ ba, dưới chế độ Đốc chính (Directoire), nhưng dự thảo này cũng không thành công. Công việc vẫn còn rất khó khăn vì một số lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực hôn nhân gia đình, còn có quan điểm khác nhau giữa các viện. Sau đó, Jacqueminot và Target soạn thảo dự thảo bộ luật với danh nghĩa cá nhân.

**2.2.** Một thời gian ngắn sau cuộc đảo chính của Bonaparte, ý tưởng xây dựng bộ luật lại được tiếp tục. Cách mạng chấm dứt và các luồng tư tưởng dịu xuống; việc lùi lại một bước là cần thiết để tách biệt những quy định đã lỗi thời với những chế định vẫn còn có hiệu lực của hệ thống pháp luật phong kiến, giống như các cuộc cải cách tích cực và các đạo luật tình thế trong thời kỳ cách mạng; ý chí chính trị đã rõ ràng. Ngoài ra, Hiến pháp năm 1799 ủng hộ việc xây dựng các luật chuyên ngành.

Nghị quyết ngày 12 tháng 8 năm 1800 thành lập, ngoài các viện, một uỷ ban gồm 4 thành viên: Tronchet, Portails, Bigot de Préameneu và Malleville. Dự thảo bộ luật được soạn thảo trong 2 năm và được trình lên Toà tư pháp tối cao và các toà phúc thẩm xem xét. Các toà án này nhìn chung ủng hộ sáng kiến đó. Cuối cùng, Bộ luật dân sự đã được công bố bởi Luật ngày 21 tháng 3 năm 1804. Bộ luật này thay thế toàn bộ hệ thống pháp luật phong kiến.

Napoléon giữ vai trò quyết định, không phải là do ông muốn bảo vệ thắng lợi các ý tưởng của mình mà chủ yếu là vì nhờ có Napoléon mà việc xây dựng Bộ luật đã thành công.

## **II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT**

### **1. Tinh thần chung**

Các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật xuất phát từ những thành quả của thời kỳ cách mạng, ít ra là như được thể hiện dưới chính quyền phản cách mạng Thermidor. Nếu Bộ luật tập hợp nhiều chế định của hệ thống pháp luật phong kiến thì tinh thần chung của Bộ luật vẫn rất mới.

**1.1.** Một trong những nguyên tắc của Bộ luật là nguyên tắc triết học: các nhà soạn thảo xuất phát từ một triết lý, pháp luật tự nhiên và một quan niệm giả định: giả định về một con người trừu tượng, tự do và có khả năng biết những gì mình làm. Tâm điểm của quan niệm này là lý thuyết về trái vụ và cái mà người ta gọi là tự do ý chí (nhưng chỉ gọi như vậy từ cuối thế kỷ 19).

**1.2.** Một trụ cột khác của Bộ luật là nguyên tắc phi tôn giáo: Nguyên tắc này là một nguyên tắc ngầm định, nhưng được thể hiện rõ trong các quy định về hộ tịch và hôn nhân. Chúa trời không có vai trò gì ở đây: uỷ ban nhân dân thay thế nhà thờ. Vấn đề hộ tịch được quy định trong Luật ngày 20 tháng 4 năm 1792 nhưng quan niệm hôn nhân giống như quan

hệ hợp đồng đã tồn tại từ lâu, độc quyền của Nhà thờ trong thực tiễn đã bị giảm nhẹ ngay cả trước Cách mạng. Việc chấp nhận ly hôn là một ví dụ tiêu biểu.

**1.3.** Vẫn theo định hướng của Cách mạng, Bộ luật mang đậm tư tưởng tự do, nhưng cần phải cụ thể hoá khái niệm này. Bộ luật không hề liên quan đến các thể chế chính trị thời kỳ đó, trái với chủ nghĩa tự do chính trị.

Trái lại, quyền tự do cá nhân được thừa nhận rõ ràng: quyền của cha đối với con chấm dứt khi con 21 tuổi và đặc biệt, chế định ly hôn được duy trì. Có thể bổ sung thêm quyền sở hữu, xuất phát từ chính sách "giải phóng đất đai" của thời kỳ trước, và được quy định tại Điều 544. Còn Điều 1780 thể hiện tư tưởng không quay trở lại vấn đề huỷ bỏ quyền hưởng dụng trước năm 1789 nữa, cũng tương tự như Điều 530 giải quyết dứt điểm vấn đề thường xuyên được đặt ra là các khoản lợi tức "vĩnh viễn" có thể hay không thể được mua lại.

**1.4.** Nhưng chính tư tưởng bình đẳng là thắng lợi của Cách mạng. Bên cạnh tư tưởng tự do, Bộ luật phát huy chủ yếu tư tưởng bình đẳng và phá bỏ các trật tự, đây là những thành quả của năm 1789. Chúng ta không quay trở lại vấn đề xoá bỏ các ưu quyền trước đây. Pháp luật về thừa kế, ít ra là thừa kế theo pháp luật (ab intestat), bãi bỏ các quy định thái quá của năm 1793, và tiến tới các giải pháp bình đẳng, đặt phụ nữ và nam giới ở vị thế như nhau. Các quy định này khác xa so với các quy định của pháp luật phong kiến.

Tất cả những điểm này thể hiện đây là một bộ luật "tư sản", ngay cả khi đánh giá của Marx dựa trên một quan niệm lỗi thời và thuật ngữ này không thể hiện được ý nghĩa mà "chủ nghĩa xã hội khoa học" gán cho nó. "Thượng tầng cơ sở" xuất hiện trước "hạ tầng cơ sở".

## **2. Các chế định cơ bản**

Cấu trúc của Bộ luật bị chỉ trích rất nhiều. Sau thiên đầu tiên (Điều 1 đến Điều 6) về các quy định chung và vai trò của thẩm phán, Bộ luật có ba "Quyển", quy định lần lượt về Nhân thân (Điều 7 đến Điều 515), Tài sản và sự thay đổi quyền sở hữu (Điều 516 đến Điều 710), và tiếp đó là một loạt các quy định (Điều 700 đến Điều 2281) về "các phương thức thụ đắc quyền sở hữu".

Về nội dung, Bộ luật thể hiện một sự dung hoà. Bộ luật là một sự tổng hợp được thể hiện dưới hình thức thoả hiệp.

**2.1. Trong một số lĩnh vực, Bộ luật không chỉ đưa ra các giải pháp kỹ thuật mà còn lựa chọn các nguyên tắc được áp dụng. Ví dụ các quy định trong Quyển 1 và các quy định liên quan đến việc tổ chức gia đình**

Việc tổ chức gia đình (chỉ có gia đình có hôn thú được thừa nhận) thể hiện sự quan tâm đối với các quyền và nghĩa vụ công dân cũng như sự chống lại những tư tưởng cách

mạng "thái quá". Cơ cấu tổ chức này còn gắn liền với một khái niệm kế thừa từ hệ thống pháp luật của Chế độ Phong kiến (không xa hơn Chế độ Phong kiến) theo đó không đặt vợ chồng ở vị thế bình đẳng với nhau: người phụ nữ đã kết hôn được xếp vào trong số những người không có năng lực hành vi quy định tại Điều 1124, chồng có quyền đối với vợ, cha có quyền đối với con.

Về quan hệ tài sản giữa vợ chồng, chồng quản lý tài sản chung (nếu vợ chồng không chọn một chế độ tài sản khác, trường hợp này rất hiếm). Đối với lĩnh vực hôn nhân gia đình, Bộ luật không thể hiện tư tưởng bình đẳng. Từ đầu thế kỷ 21, Bộ luật lên án ý tưởng thiết lập một trật tự thứ bậc trong gia đình và quyền tối cao của người chồng đối với người vợ (chúng ta thực sự có thể nói đến "quyền lực của người chồng": Điều 213). Người ta không thể chỉ trích các nhà soạn thảo về một tư tưởng đã trở nên phổ biến: các phong trào nữ quyền trong thời kỳ Cách mạng đã không thể đi xa hơn.

Tuy nhiên còn lại một vấn đề gai góc, đó là vấn đề ly hôn. Hôn nhân được quan niệm như một quan hệ hợp đồng (lễ cưới ở nhà thờ không phải là một việc thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự) và có thể tan rã, nhưng chỉ trong trường hợp có lỗi. Ngoại tình là một loại lỗi, nhưng - một lần nữa quay lưng lại với khái niệm bình đẳng - hành vi ngoại tình của người vợ và người chồng bị xử lý không giống nhau. Những vấn đề khác như: con ngoài giá thú, là vấn đề bị xử lý rất nghiêm khắc, và nuôi con nuôi là vấn đề mà Bonaparte rất ủng hộ. Còn vấn đề thừa kế theo pháp luật (ab intestat), giống như trong thời kỳ Cách mạng, được đặc trưng bởi tính thống nhất của di sản thừa kế và quay lưng lại với một nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật phong kiến, phân biệt tùy theo tính chất và nguồn gốc của tài sản. Di sản được thanh toán theo một trật tự suy đoán về quan hệ tình cảm (trong giá thú). Người vợ hoặc chồng còn sống chỉ được hưởng thừa kế nếu người kia không có họ hàng cùng huyết thống và chỉ là người thừa kế không bình thường: vì không thuộc diện thừa kế bắt buộc nên họ phải yêu cầu Tòa án cho phép chuyển giao di sản. Đối với di chúc, Bộ luật quy định vấn đề thừa kế bắt buộc, vừa kế thừa quy định của các nước theo hệ thống luật thành văn, vừa kế thừa các tập quán về thừa kế bắt buộc.

## ***2.2. Các lĩnh vực khác được quy định trong các Quyển 2 và 3 không đặt ra nhiều khó khăn lắm.***

a) Trong thời kỳ Cách mạng, chế định sở hữu đã dần dần thoát khỏi khái niệm "đa sở hữu" của hệ thống pháp luật phong kiến (bao gồm quyền sở hữu, thu thuế của lãnh chúa - domaine éminent - và quyền sử dụng và thu hoa lợi của nông dân - domaine utile), và được hiểu là sở hữu cá nhân. Điều 544 Bộ luật đưa ra một định nghĩa tối đa hoá quyền sở hữu, quyền này chỉ bị hạn chế trong những trường hợp đặc biệt bởi luật hoặc các văn bản dưới luật. Chính nhờ Điều đó, Bonaparte đã làm cho các chủ sở hữu yên tâm, không chỉ những người được hưởng các quyền của những người nông dân vĩnh viễn trước đây khi áp dụng

pháp luật phong kiến, mà cả những người mua được các Tài sản quốc gia, và Bonaparte đã tạo thuận lợi cho việc lưu thông tài sản. Sự phân biệt giữa bất động sản và động sản vẫn theo quan niệm truyền thống, ngoại trừ các tài sản vô hình hoặc gắn với cá nhân (lợi tức, cổ phiếu và trái phiếu) được coi là động sản. Việc thừa nhận vị trí cao nhất cho các tài sản là bất động sản không đặt ra khó khăn gì trong bối cảnh xã hội và kinh tế thời kỳ đó.

b) Bộ luật cũng không có nhiều cải cách trong lĩnh vực hợp đồng. Nghĩa vụ hợp đồng vẫn giống như quy định của hệ thống pháp luật phong kiến. Điều 1134, một Điều luật nổi tiếng, đã thể hiện vai trò chủ chốt của ý chí của các bên giao kết hợp đồng, vai trò này bị giới hạn bởi lý thuyết về khiếm khuyết của sự thoả thuận và Điều 6 về nguyên tắc tôn trọng trật tự công và thuần phong mỹ tục. Như vậy, pháp luật ủng hộ ý tưởng kinh doanh, đồng thời, các ràng buộc trước đây đối với các hiệp hội nghề nghiệp đã chấm dứt ngay khi bắt đầu thời kỳ Cách mạng. Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận thấy rằng đối trọng với quyền tự do giao kết hợp đồng, người mắc nợ gặp khó khăn về tài chính có thể bị xử lý nghiêm khắc bằng biện pháp cưỡng chế thân thể; theo quy định của Bộ luật, thẩm phán không có quyền Điều chỉnh hệ quả của hợp đồng. Sau đó, người ta thường chỉ ra rằng hậu quả của các quy định này là các bên yếu thế trong hợp đồng bị đè bẹp.

Liên quan đến nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Bộ luật đặt dấu chấm hết cho những thay đổi trước đây.

### *c) Tinh thần của Bộ luật*

Bộ luật này đã từng được gọi là "Hiến pháp dân sự của nước Pháp" và hoàn toàn phù hợp với thời đại lúc bấy giờ: Bộ luật thiết lập pháp luật cho một xã hội, một xã hội của chủ nghĩa cá nhân, của nông dân và của tư sản, và chính nhằm đáp ứng những nguyện vọng sâu xa về xã hội đó mà Bộ luật đã tổng hợp những yếu tố bền vững của hệ thống pháp luật phong kiến, dù là pháp luật thành văn hay pháp luật tập quán, và pháp luật cách mạng. Các nhà soạn thảo không có ý định xây dựng một tác phẩm lý thuyết mà muốn đưa ra những nguyên tắc rõ ràng và hướng tới thực tiễn.

Những nội dung tổng hợp được ghi lại bằng một văn phong không thể so sánh, làm cho Bộ luật dân sự trở thành một kiệt tác có nội dung rõ ràng, cụ thể và súc tích.

## **III. SỰ ỔN ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT**

Những ưu điểm của Bộ luật được thể hiện ở chỗ các quy định trong Bộ luật được các nước châu Âu bắt chước trong suốt thế kỷ 19 và (xem bài phát biểu của Giáo sư Grimaldi) được tôn trọng trong một thời gian dài. Chỉ đến khi mà các quy định này tỏ ra không thích ứng nữa với tình hình xã hội thì Bộ luật mới được sửa đổi. Những biến động xã hội cũng đặt ra câu hỏi là liệu đã đến lúc phải "xem xét lại" Bộ luật dân sự chưa; việc ban hành nhiều văn bản luật và dưới luật cho thấy rằng các nguyên tắc chỉ đạo này thường bị chỉ trích ngay cả khi hơn một nửa các Điều luật được soạn thảo vào năm 1804 hiện vẫn còn tồn tại.

## **1. Bộ luật dân sự và những biến động chính trị ở Pháp**

### **1.1. Những ý kiến chỉ trích**

Bộ luật bị chỉ trích bởi nhiều luồng tư tưởng khác nhau, đối lập nhau. Luồng tư tưởng phản động hoặc bảo thủ đã lên tiếng. Đặc biệt, ly hôn bị coi là một việc làm huỷ hoại gia đình: Louis 18 đã huỷ bỏ chế định hôn nhân ngày 8 tháng 5 năm 1816. Sau đó, Frédéric Le Play và những người khác đã chỉ trích Bộ luật là bảo vệ những người nước ngoài hoặc chấp nhận việc cho vay nặng lãi.

Luồng tư tưởng xã hội, không chỉ thông qua ngòi bút của Marx, đã chỉ ra triết lý "sở hữu" của Bộ luật này, chủ yếu bảo vệ quyền lợi của giai cấp "tư sản". Một Điều không thể chối cãi là Bộ luật chỉ quan tâm đến các cá nhân, đặc biệt khi họ là chủ sở hữu. Nói cách khác, con người biến mất đằng sau khối tài sản của mình. Hơn nữa, các khái niệm như "thuần phong mỹ tục" hoặc "trật tự công" không đơn giản. Thế giới của những người lao động hầu như không được biết đến vào năm 1804 và Điều 1781 thực sự gây ngạc nhiên.

Những người theo chủ nghĩa nữ quyền cũng đã nói lên tiếng nói của mình. Cuối cùng, Bộ luật không đề cập đến các lợi ích tập thể. Không nên chỉ trích quá nhiều về sự lỗi thời của Bộ luật và lưu ý rằng Bộ luật đương nhiên không thể thể hiện được sự thay đổi tư tưởng trong thế kỷ 19. Nội dung của Bộ luật được soạn thảo năm 1804 tương đối thống nhất với ý kiến của công luận.

### **1.2. Sự duy trì Bộ luật Bộ luật đã trở thành một biểu tượng**

Những lời ca tụng không hết. Thậm chí người ta còn viết thành thơ. Văn phong, sự súc tích, câu từ của Bộ luật được ca ngợi khắp nơi. Nhưng chắc chắn chính nội dung của Bộ luật đã tạo nên sức hấp dẫn của nó. Các trường đại học vào thế kỷ 19 đã hết lời ca tụng Bộ luật, trừ một số ít trường hợp ngoại lệ.

Tuy nhiên, năm tròn 100 năm Bộ luật đã không được đánh dấu bằng các buổi lễ kỷ niệm chính thức. Năm 1904, Nhà nước Cộng hoà không có ý định ca ngợi vinh quang của Napoléon và do đó, không có các buổi lễ kỷ niệm chính thức; việc ngợi ca Bộ luật hoàn toàn là việc của tư nhân. Vào cùng thời điểm quan trọng đó, có một dự án cải cách Bộ luật, nhưng dự án này đã thất bại.

a) Trong gần một thế kỷ, Bộ luật hầu như không thay đổi. Vương triều Bourbons đã giữ lại Bộ luật, vì đã chấp nhận việc chuyển giao Tài sản quốc gia; chỉ duy nhất tên gọi của Bộ luật là thay đổi và chế định ly hôn bị huỷ bỏ. Đế chế thứ hai đã cải cách mạnh mẽ hơn một chút, đó là thời kỳ mà Napoléon III đã cố gắng có được số phiếu của cánh tả mà mình đã bị mất với cánh hữu. Nếu khẳng định rằng vào khoảng những năm 1880, nền Cộng hoà III bắt đầu cải cách mạnh mẽ thì các nội dung cải cách vẫn còn tương đối ít. Ngoại trừ việc khôi phục chế định ly hôn (Luật ngày 27 tháng 7 năm 1884) và một số nội dung của pháp luật hôn nhân gia đình, thì chỉ có lĩnh vực pháp luật lao động mới thực sự có nhiều điểm mới. Nói tóm



lại, nền Cộng hoà III đã cải cách một sách hết sức rụt rè: nhưng trừ lĩnh vực luật hôn nhân gia đình và luật lao động, làm thế nào có thể thay đổi chế định sở hữu trong một chế độ bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cấp tiến? Một Điều đáng ngạc nhiên hơn nữa, đó là sự rụt rè của chính quyền Vichy. Nói tóm lại, Bộ luật vẫn đứng vững.

Chúng ta cũng sẽ nhận thấy Điều đó vì một thời gian sau, một dự án cải cách nữa được đưa ra. Sau Chiến tranh thế giới lần II, một uỷ ban chính thức được thành lập. Hoàn cảnh thời kỳ đầu thế kỷ 20 rất thuận lợi: đặc biệt, các luồng tư tưởng xuất hiện trong thời kỳ Kháng chiến và các phong trào quốc hữu hoá lớn sau Giải phóng là những yếu tố rất thuận lợi cho việc cải cách. Nhưng dự thảo cải cách sơ bộ chỉ rất cục bộ và mọi việc đã không tiến xa hơn.

b) Suy cho cùng, lần cải cách lớn nhất mới chỉ được thực hiện vào những năm 1960, mặc dù đây không phải là một cuộc cải cách có tính tổng thể. Nền Cộng hoà V (có một hệ thống hành pháp rất mạnh) tiến hành cải cách toàn bộ Bộ luật, đặc biệt là trong lĩnh vực luật hôn nhân gia đình. Các cuộc cải cách được tiến hành dưới thời Tổng thống Giscard d'Estaing đã cho phép thích ứng Bộ luật với sự phát triển của phong tục tập quán. Nhưng cơ cấu của Bộ luật, kể cả việc đánh số, không thay đổi: Bộ luật chỉ được bổ sung các quy định mới. Ngoài ra, so với Bộ luật năm 1804, "điểm bất cập của các quy định không được soạn thảo tốt" đã được nêu ra. Ngoài Bộ luật, có rất nhiều văn bản khác đã được ban hành trong những lĩnh vực hết sức đa dạng, một số lĩnh vực còn được ban hành những bộ luật riêng. Bộ luật dân sự không Điều chỉnh toàn bộ lĩnh vực dân sự nữa.

Cần phải nhấn mạnh một lần nữa rằng các cuộc cải cách được thực hiện chủ yếu liên quan đến lĩnh vực hôn nhân gia đình: nhà làm luật đã mong muốn thể hiện sự phát triển của phong tục tập quán vào trong Bộ luật, vì phong tục tập quán đã thay đổi rất nhiều và rất nhanh chóng từ nửa cuối thế kỷ 20. Một số học giả hoan nghênh các cuộc cải cách và nhìn nhận đó như là những tiến bộ, còn những người khác thì lấy làm tiếc, nhưng tất cả đều đặt ra vấn đề xem xét lại ý nghĩa của pháp luật và ý nghĩa của các cuộc cải cách.

## **2. Sự phát triển của các chế định pháp luật**

Sự phát triển của các chế định pháp luật rất khác nhau. Những nội dung liên quan đến phong tục tập quán hoặc hậu quả của thời đại công nghiệp, thay đổi rất nhiều còn những nội dung khác của Bộ luật được giữ nguyên.

### **2.1. Ảnh hưởng của phong tục tập quán và khoa học kỹ thuật**

#### *a) Gia đình*

Đối với khái niệm gia đình thì phát triển ý tưởng "tự do hoá" và bình đẳng. Chế định ly hôn được khôi phục trong đạo luật "Naquet" ngày 27 tháng 7 năm 1884 và ngày càng được củng cố. Quyền lực của người chồng ít bị sửa đổi trong các đạo luật ban hành dưới nền Cộng hoà III vì chế độ tài sản của vợ chồng chưa được xem xét lại, do đó, chỉ chấm dứt theo Luật

Vichy ngày 22 tháng 9 năm 1942 và đặc biệt là Luật ngày 13 tháng 7 năm 1965. Lần cải cách cuối cùng được thực hiện trong thời gian gần đây (Luật ngày 23 tháng 12 năm 1985). Có thể nhận thấy tốc độ phát triển tương tự đối với các quan hệ giữa cha mẹ và con: ban đầu, được cải cách dần dần, sau đó được cải cách một cách triệt để (Luật ngày 3 tháng 1 năm 1972), nguyên tắc bình đẳng giữa con trong giá thú và con ngoài giá thú được thiết lập. Luật ngày 5 tháng 7 năm 1974 đã giảm tuổi thành niên từ 21 xuống 18 tuổi. Việc nuôi con nuôi được tạo nhiều Điều kiện thuận lợi. Quyền lực của người cha, triết lý của năm 1804, đã bị huỷ bỏ và bị thay thế bằng khái niệm quyền của cha mẹ đối với con, được thực hiện một cách bình đẳng bởi hai vợ chồng, và một khái niệm theo đó lợi ích của người con (do thẩm phán đánh giá) được đặt lên hàng đầu. Kết quả tổng kết những thay đổi so với Bộ luật năm 1804 rất ấn tượng.

### *b) Trách nhiệm*

Cơ chế trách nhiệm trong Bộ luật dân sự trước đây dựa trên khái niệm lỗi. Vào thời kỳ đó, người ta không nghi ngờ tương lai của Điều 1382, và Điều này cùng với các Điều tiếp theo đã đủ để giải quyết vấn đề trách nhiệm. Hậu quả đôi khi tai hại của chủ nghĩa máy móc đã cho thấy rằng các quy định này dẫn đến tình trạng không bồi thường thiệt hại xảy ra trong các tai nạn lao động. Tuy nhiên, phải chờ đến Luật ngày 9 tháng 4 năm 1898 thì mới vượt qua được tình trạng này, đạo luật này không bắt buộc người lao động phải chứng minh lỗi của chủ sử dụng lao động. Một nhân tố khác thúc đẩy sự phát triển, đó là sự phát triển của công nghiệp ô tô và sự gia tăng thiệt hại trong các tai nạn giao thông. Tiếp theo những sáng tạo táo bạo, dù chưa đầy đủ, của án lệ, đạo luật ngày 5 tháng 7 năm 1985 đã thiết lập một cơ chế bồi thường thiệt hại đặc biệt.

## **2.2. Những chế định không thay đổi**

Pháp luật về thừa kế tồn tại ổn định, trừ một số quy định nhằm tăng cường quyền của người vợ hoặc chồng còn sống. Có thể thấy ở đây dấu ấn trong sự thay đổi cách nhìn nhận về gia đình. Nhưng đối với những vấn đề còn lại, các quy định của Bộ luật được giữ nguyên.

Cũng tương tự như vậy đối với pháp luật về sở hữu. Có vẻ như có một sự phát triển mâu thuẫn trong lĩnh vực này. Một mặt, từ năm 1804, quyền sở hữu được mở rộng cho một số tài sản mới (quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu văn học nghệ thuật, quyền sở hữu sáng chế, nhãn hiệu). Mặt khác, dưới sự ảnh hưởng của các luồng tư tưởng chính trị và xã hội mới, tính tuyệt đối của quyền sở hữu đã bị hạn chế: pháp luật đã hạn chế các đặc quyền của chủ sở hữu (vì lợi ích của bên thuê nhà) còn án lệ xử lý hành vi lạm dụng quyền này. Các quy định về quy hoạch đô thị, sử dụng đất ở nông thôn và pháp luật về môi trường cũng hạn chế bớt các quyền của chủ sở hữu. Thủ tục trưng mua vì lợi ích công cộng đã rất phát triển. Mạnh hơn nữa là việc quốc hữu hoá đã được tiến hành theo nhiều giai đoạn; nhưng các hoạt

động tư hữu hoá quan trọng sau đó đã làm vô hiệu các hoạt động quốc hữu hoá. Từ nhận xét này, chỉ có thể khẳng định rằng quyền sở hữu ngày nay vẫn có sức mạnh và không bị suy giảm một cách căn bản bởi những biện pháp mà chúng ta vừa nhắc đến trên đây.

Lĩnh vực hợp đồng cũng ở trong tình trạng gần như tương tự. Nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 1134 Bộ luật dân sự không bị sửa đổi, nhưng những trường hợp xâm phạm đến tính tuyệt đối của hợp đồng lại rất nhiều. Một phần đó là do án lệ, nhưng mặt khác cũng là do nhà làm luật. Quyền tự do giao kết hợp đồng bị hạn chế, đặc biệt là do việc ban hành các quy định có hiệu lực bắt buộc. Điểm đáng lưu ý nhất là sự ra đời và phát triển của hệ thống pháp luật về tiêu dùng. Như ông Terré nhận xét, "những mối tương quan đại chúng" ảnh hưởng đến pháp luật. Tuy nhiên, nền tảng của Bộ luật dân sự không thay đổi và chủ đề "hợp đồng hoá" hiện nay đang thịnh hành.

Tuy nhiên, vẫn đặt ra vấn đề về sự cần thiết xây dựng Bộ luật dân sự mới. Một uỷ ban đã được thành lập theo Nghị định ngày 12 tháng 9 năm 1989, với nhiệm vụ "nghiên cứu giải pháp bảo đảm sự đơn giản và rõ ràng của pháp luật". Nhưng đồng thời, nhà làm luật đã không ngần ngại bổ sung vào Bộ luật dân sự Quyển IV, chỉ gồm 19 Điều là "các quy định áp dụng đối với Mayotte". Đó là một sự mâu thuẫn kỳ lạ cần phải tương đối hoá nếu chúng ta quan niệm rằng Điều cơ bản hiện nay là pháp luật châu Âu. Trên thực tế, một dự thảo đang được xây dựng từ năm 2001, trong khi đó cũng có sáng kiến của tư nhân nhằm thiết lập một "Bộ luật dân sự châu Âu". Giới học giả đang tranh luận rất sôi nổi về vấn đề này. Thực vậy, nếu tình hình của châu Âu hiện nay không thể so sánh với tình hình của nước Pháp thời kỳ trước Cách mạng, thì có một vấn đề luôn được đặt ra đó là xác định xem việc thống nhất pháp luật phải bao gồm chính xác những nội dung gì.

**SOURCE: HỘI THẢO “200 NĂM BỘ LUẬT DÂN SỰ PHÁP”, NHÀ PHÁP LUẬT VIỆT – PHÁP, 11/2004 (Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt - Pháp)**